

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày 17-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn N, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2005, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm thuê; trình độ học vấn 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bích H; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Vào ngày 11/8/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản với thời hạn 12 tháng, bị cáo chấp hành xong ngày 25/7/2023; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/10/2023, đến ngày 07/02/2024 bị bắt để tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Nhứt H1, sinh năm 1997 (vắng mặt);

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1995 (có mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Hồng Thị Ý N1, sinh năm 1989; nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

4. Bà Lê Thị C, sinh năm 1991; nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

5. Ông Sơn B, sinh năm 1978; nơi cư trú ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

6. Ông Lê Thái S, sinh năm 1984; nơi cư trú ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1980; nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

2. Ông Diệp Văn S1, sinh năm 1990; nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

3. Ông Trịnh Minh T1, sinh năm 1981; nơi cư trú ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

4. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 2001; nơi cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn N sinh ngày 18/6/2005 có một tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản (vào ngày 11/8/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản với thời hạn 12 tháng, bị cáo chấp hành xong ngày 25/7/2023) nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính lại tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 13/8/2023, bị cáo đi bộ từ nhà ra lộ đal đến nhà của ông Nguyễn Nhứt H1, cư trú tại ấp P, thị trấn C, huyện C, bị cáo đến gần giường ngủ thì thấy ông H1 nằm ngủ một mình, bị cáo dùng tay phải lấy điện thoại đang để trên lòng bàn tay phải của ông H1. Sau khi lấy trộm điện thoại của ông H1, bị cáo đi bộ ra ngoài lộ đal, bỏ điện thoại vào túi quần trước bên trái nhưng điện thoại bị rơi xuống lộ đal làm nứt màn hình điện thoại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐĐGTTHS ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Kết luận 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C, màu đen, giá trị thực tế bình quân của thị trường là 1.160.000 đồng.

Sau khi phát hiện điện thoại bị mất trộm đến ngày 18/8/2023, ông H1 đến Công an thị trấn C trình báo sự việc. Qua sàng lọc đối tượng, Công an thị trấn C mời bị cáo làm việc thì bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của ông H1 vào ngày 13/8/2023. Ngoài ra, bị cáo còn tự khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã A, huyện C, như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 14/8/2023, bị cáo đến nhà của ông Nguyễn Văn H2, cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để uống rượu, sau khi uống rượu xong bị cáo ngủ lại tại nhà ông H2. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/8/2023, bị cáo thức dậy và nảy sinh ý định tìm tài sản để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo đi bộ đến nhà bà Hồng Thị Ý N1, cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, cách nhà ông H2 khoảng 100m, lúc này nhà bà N1 đang ngủ. Bị cáo đi vào nhà bà N1 phát hiện trong phòng ngủ có cái bóp (ví) để trên đầu tủ nhựa nên bị cáo lấy trộm cái bóp đi ra ngoài lộ đàng trước nhà bà N1, bị cáo mở bóp ra đếm được số tiền là 825.000 đồng, bị cáo lấy số tiền 825.000 đồng, còn cái bóp thì ném bỏ.

Sau khi lấy trộm tiền nhà bà N1 xong, bị cáo đi đến nhà bà Lê Thị C (nhà đối diện nhà bà N1), bị cáo thấy cửa nhà không đóng nên đi vào nhà thấy bà C đang ngủ trên giường bên cạnh có để điện thoại di động S2 A12, màu xanh và tiền, bị cáo lấy trộm điện thoại và số tiền là 935.000 đồng. Sau khi lấy trộm xong bị cáo đi về nhà tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 43/KL-HĐĐGTTTHS ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Kết luận 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh, giá trị thực tế bình quân của thị trường là 1.400.000 đồng.

Như vậy ngày 15/8/2023, bị cáo đã liên tục về mặt thời gian về hành vi lấy trộm tài sản của bà N1 và bà C, tổng trị giá là 3.160.000.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, bị cáo còn tiếp tục thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 12/10/2023, bị cáo đến nhà của ông Lê Thái S, cư trú tại ấp V, xã A, huyện C, bị cáo vào nhà lấy trộm 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO đang sạc pin. Sau khi lấy trộm điện thoại, bị cáo tháo ốp lưng bằng nhựa, bên trong ốp lưng có 01 thẻ căn cước công dân tên Lê Thái S, bị cáo ném bỏ ốp lưng và thẻ căn cước công dân. Bị cáo lấy điện thoại sử dụng cho đến khi Công an mời làm việc thì bị cáo đã thừa nhận hành vi lấy trộm điện thoại của ông S và giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 47/KL-HĐĐGTTTHS ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Kết luận điện thoại di động hiệu Vivo 1819 (đã qua sử dụng), giá trị thực tế bình quân của thị trường là 1.460.000 đồng.

Vụ thứ 2: khoảng 20 giờ ngày 21/10/2023, bị cáo đi bộ đến khu vực C thuộc ấp V, xã A, huyện C thì thấy có 03 xe mô tô trên đê không có ai trông coi, bị cáo lấy trộm 01 xe mô tô hiệu SYM, biển kiểm soát 83D1-008.30 của ông Sơn B, cư trú tại ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đến sáng hôm sau khi bị cáo chạy xe trộm gặp được đi đồ xăng thì bị ông B và một số người dân đi cùng với ông B phát hiện và giữ lại trình báo với cơ quan Công an, qua làm việc bị cáo khai nhận toàn bộ việc bị cáo lấy trộm xe của ông B.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 48/KL-HĐĐGTTHS ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Kết luận xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SYM, số loại ALEGANTI I, màu xanh, biển kiểm soát 83D1-008.30, số máy SACBH066853, số khung KHBH066853 (đã qua sử dụng), giá trị thực tế bình quân của thị trường là 3.660.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 13 giờ ngày 09/01/2024, bị cáo đi bắt cá ở Rạch V đến khu vực trước nhà của ông Lê Văn T, cư trú tại ấp P, thị trấn C, huyện C, Sóc Trăng, thì bị cáo thấy có chiếc vỏ lãi Composite đặt máy honda 5.5HP trên vỏ lãi đang đậu dưới bên sông. Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 10/01/2024, bị cáo đến nhà của ông T và lấy trộm chiếc vỏ lãi, máy honda 5.5HP và 01 cái bình ắc quy trên xe tải của ông T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTTHS ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Kết luận về giá trị của tài sản: 01 (một) chiếc vỏ lãi Composite chiều dài 7,2m, chiều rộng lọt lòng 1m, dày 5mm, màu trắng - xanh (đã qua sử dụng), giá trị thực tế bình quân của thị trường là 3.500.000 đồng; 01 (một) máy honda 5.5HP bình xăng sơn màu đỏ (đã qua sử dụng), giá trị thực tế bình quân của thị trường là 1.200.000 đồng; 01 (một) cái bình ắc quy hiệu Dong Nai 120A (đã qua sử dụng), giá trị thực tế bình quân của thị trường là 480.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 5.180.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 13/8/2023 đến ngày 10/01/2024, Trần Văn N đã trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Nhứt H1, bà Hồng Thị Ý N1, bà Lê Thị C, ông Sơn B, ông Lê Thái S và ông Lê Văn T tổng trị giá là 14.620.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ được các vật chứng như sau: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SYM, số loại ALEGANTI I, màu xanh, biển kiểm soát 83D1-008.30 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo (đã qua sử dụng); 01 (một) thẻ căn cước công dân số 094084007509, họ tên Lê Thái S, giới tính nam, sinh ngày 01/01/1984, Quốc tịch: Việt Nam; quê quán: xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nơi thường trú: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu như sau:

Trả lại cho bà Lê Thị C, tài sản là 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh (đã qua sử dụng).

Trả lại cho ông Sơn B, tài sản là 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SYM, số loại ALEGANTI I, màu xanh, biển kiểm soát 83D1-008.30 (đã qua sử dụng).

Trả lại cho ông Lê Thái S, tài sản là 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo (đã qua sử dụng); 01 (một) thẻ căn cước công dân số 094084007509, họ tên Lê Thái S, giới tính nam, sinh ngày 01/01/1984, Quốc tịch: Việt Nam; quê quán: xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nơi thường trú: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 9C, màu đen của ông Trần Nhứt H3; 01 vỏ lãi Composite, 01 (một) máy honda 5.5HP và 01 (một) cái bình ắc quy hiệu Dong Nai 120A của ông Lê Văn T mà bị cáo đã trộm cắp, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Nhứt H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.160.000 đồng; bà Hồng Thị Ý N1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 825.000 đồng; bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 935.000 đồng; ông Lê Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản gồm 01 vỏ lãi Composite, 01 (một) máy honda 5.5HP và 01 (một) cái bình ắc quy hiệu Dong Nai 120A với số tiền tổng cộng 5.180.000 đồng. Đến nay, bị cáo chưa thực hiện việc bồi thường cho các bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKS-CLD ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Trộm cắp tài sản tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã có hành vi nhiều lần lén lút lấy trộm tài sản của các bị hại với giá trị tài sản số tiền tổng cộng 14.620.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng bị cáo lại nhiều lần thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của các bị hại, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, cần xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo phạm

tội từ 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại ông H1, ông S, ông B, ông T. Ngoài ra, bị cáo tự nguyện khai ra các lần phạm tội đối với các bị hại bà N1, bà C nên hành vi của bị cáo là tự thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, r khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xử lý trao trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị không đặt ra xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông B, ông S đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét. Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại ông Nguyễn Nhứt H1 số tiền 1.160.000 đồng; bà Hồng Thị Ý N1 số tiền 825.000 đồng; bà Lê Thị C số tiền 935.000 đồng; ông Lê Văn T số tiền tổng cộng 5.180.000 đồng.

Bị cáo không trình bày lời tự bào chữa.

Bị hại không trình bày ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn hối lỗi, xin lỗi bị hại, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về lao động giúp gia đình, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại và những người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Các bị hại Nguyễn Nhứt H1, Hồng Thị Ý N1, Lê Thị C, S, Lê Thái S và người làm chứng Nguyễn Văn H2, Trịnh Minh T1, Lê Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, xét thấy các bị hại và người làm chứng đã có lời khai

trong quá trình điều tra, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại và những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra đã thu thập được nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 13/8/2023, bị cáo đi bộ từ nhà ra lộ đal đến nhà của ông Nguyễn Nhứt H1, cư trú tại ấp P, thị trấn C, huyện C, bị cáo đến gần giường ngủ thì thấy ông H1 nằm ngủ một mình, bị cáo dùng tay phải lấy điện thoại đang để trên lòng bàn tay phải của ông H1. Sau khi lấy trộm điện thoại của ông H1, bị cáo đi bộ ra ngoài lộ đal, bỏ điện thoại vào túi quần trước bên trái nhưng điện thoại bị rơi xuống lộ đal làm nứt màn hình điện thoại. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐĐGTTHS ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Kết luận 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9C, màu đen, giá trị thực tế bình quân của thị trường là 1.160.000 đồng. Sau khi phát hiện điện thoại bị mất trộm đến ngày 18/8/2023, ông H1 đến Công an thị trấn C trình báo sự việc. Qua sàng lọc đối tượng, Công an thị trấn C mời bị cáo làm việc thì bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của ông H1 vào ngày 13/8/2023. Ngoài ra, bị cáo còn tự khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại xã A, huyện C, như sau:

[3.1] Khoảng 17 giờ ngày 14/8/2023, bị cáo đến nhà của ông Nguyễn Văn H2, cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để uống rượu, sau khi uống rượu xong bị cáo ngủ lại tại nhà ông H2. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/8/2023, bị cáo thức dậy và nảy sinh ý định tìm tài sản để lấy trộm bán lấy tiền tiêu sài. Bị cáo đi bộ đến nhà bà Hồng Thị Ý N1, cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, cách nhà ông H2 khoảng 100m, lúc này nhà bà N1 đang ngủ. Bị cáo đi vào nhà bà N1 phát hiện trong phòng ngủ có cái bóp để trên đầu tủ nhựa nên bị cáo lấy trộm cái bóp đi ra ngoài lộ đal trước nhà bà N1, bị cáo mở bóp ra đếm được số tiền là 825.000 đồng, bị cáo lấy số tiền 825.000 đồng, còn cái bóp thì ném bỏ.

[3.2] Sau khi lấy trộm tiền nhà bà N1 xong, bị cáo đi đến nhà bà Lê Thị C (nhà đối diện nhà bà N1), bị cáo thấy cửa nhà không đóng nên đi vào nhà thấy bà C đang ngủ trên giường bên cạnh có để điện thoại di động S2 A12, màu xanh và tiền, bị cáo lấy trộm điện thoại và số tiền là 935.000 đồng. Sau khi lấy trộm xong bị cáo đi về nhà tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 43/KL-HĐĐGTTHS ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Kết luận 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh, giá trị thực tế bình quân của thị trường là 1.400.000 đồng.

[3.3] Như vậy ngày 15/8/2023, bị cáo đã liên tục về mặt thời gian về hành vi lấy trộm tài sản của bà N1 và bà C, tổng trị giá là 3.160.000.

[3.4] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, bị cáo còn tiếp tục thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

[3.4.1] Vụ thứ 1: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 12/10/2023, bị cáo đến nhà của ông Lê Thái S, cư trú tại ấp V, xã A, huyện C, bị cáo vào nhà lấy trộm 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO đang sạc pin. Sau khi lấy trộm điện thoại, bị cáo tháo ốp lưng bằng nhựa, bên trong ốp lưng có 01 thẻ căn cước công dân tên Lê Thái S, bị cáo ném bỏ ốp lưng và thẻ căn cước công dân. Bị cáo lấy điện thoại sử dụng cho đến khi Công an mời làm việc thì bị cáo đã thừa nhận hành vi lấy trộm điện thoại của ông S và giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan Công an. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 47/KL-HĐĐGTTHS ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Kết luận điện thoại di động hiệu Vivo 1819 (đã qua sử dụng), giá trị thực tế bình quân của thị trường là 1.460.000 đồng.

[3.4.2] Vụ thứ 2: khoảng 20 giờ ngày 21/10/2023, bị cáo đi bộ đến khu vực C thuộc ấp V, xã A, huyện C thì thấy có 03 xe mô tô trên đê không có ai trông coi, bị cáo lấy trộm 01 xe mô tô hiệu SYM, biển kiểm soát 83D1-008.30 của ông Sơn B, cư trú tại ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đến sáng hôm sau khi bị cáo chạy xe trộm cắp được đi đồ xăng thì bị ông B và một số người dân đi cùng với ông B phát hiện và giữ lại trình báo với cơ quan Công an, qua làm việc bị cáo khai nhận toàn bộ việc bị cáo lấy trộm xe của ông B. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 48/KL-HĐĐGTTHS ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Kết luận xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SYM, số loại ALEGANTI I, màu xanh, biển kiểm soát 83D1-008.30, số máy SACBH066853, số khung KHBH066853 (đã qua sử dụng), giá trị thực tế bình quân của thị trường là 3.660.000 đồng.

[3.4.3] Vụ thứ 3: Khoảng 13 giờ ngày 09/01/2024, bị cáo đi bắt cá ở Rạch V đến khu vực trước nhà của ông Lê Văn T, cư trú tại ấp P, thị trấn C, huyện C, Sóc Trăng, thì bị cáo thấy có chiếc vỏ lãi Composite đặt máy honda 5.5HP trên vỏ lãi đang đậu dưới bến sông. Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 10/01/2024, bị cáo đến nhà của ông T và lấy trộm chiếc vỏ lãi, máy honda 5.5HP và 01 cái bình ắc quy trên xe tải của ông T. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTTHS ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Kết luận về giá trị của tài sản: 01 (một) chiếc vỏ lãi Composite chiều dài 7,2m, chiều rộng lọt lòng 1m, dày 5mm, màu trắng - xanh (đã qua sử dụng), giá trị thực tế bình quân của thị trường là 3.500.000 đồng; 01 (một) máy honda 5.5HP bình xăng sơn màu đỏ (đã qua sử dụng), giá trị thực tế bình quân của thị trường là 1.200.000 đồng; 01 (một) cái bình ắc quy hiệu Dong Nai 120A (đã qua sử dụng), giá trị thực tế bình quân của thị trường là 480.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 5.180.000 đồng.

[3.5] Như vậy, từ ngày 13/8/2023 đến ngày 10/01/2024, Trần Văn N đã trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Nhứt H1, bà Hồng Thị Ý N1, bà Lê Thị C, ông Sơn B, ông Lê Thái S và ông Lê Văn T tổng trị giá là 14.620.000 đồng.

[4] Bị cáo có một tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản (vào ngày 11/8/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản với thời hạn 12 tháng, bị cáo chấp hành xong ngày 25/7/2023) nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính lại tiếp tục nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng chỉ vì ham muốn có tiền tiêu xài và hưởng thụ mà bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác do pháp luật hình sự bảo vệ, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, làm cho quần chúng hoang mang, lo sợ, thời gian gần đây trên địa bàn huyện C đã xảy ra rất nhiều vụ trộm cắp tài sản và bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần, cho thấy khả năng tự cải tạo của bị cáo rất kém nên cần phải xử phạt tù thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

[6] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo tự nguyện khai ra các lần phạm tội trước đó (trộm tài sản của bà N1, bà C) nên hành vi của bị cáo là tự thú, bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo chỉ làm thuê, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền là hình bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xử lý, giao trả cho chủ sở hữu các tài sản: Trả lại cho bà Lê Thị C, tài sản là 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh (đã qua sử dụng); trả lại cho ông Sơn B, tài sản là 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SYM, số loại ALEGANTI I, màu xanh, biển kiểm soát 83D1-008.30 (đã qua sử dụng); trả lại cho ông Lê Thái S, tài sản là 01 (một) điện thoại di động hiệu Vivo (đã qua sử dụng); 01 (một) thẻ căn cước công dân số 094084007509, họ tên Lê Thái S, giới tính nam, sinh ngày 01/01/1984, Quốc tịch: Việt Nam; quê quán: xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nơi thường trú: ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là đúng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

[10.1] Quá trình điều tra, các bị hại S, Lê Thái S đã nhận lại tài sản bị trộm và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10.2] Tại phiên tòa, bị hại Lê Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 5.180.000 đồng và trong quá trình điều tra các bị hại Nguyễn Nhứt H1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 1.160.000 đồng, bị hại Hồng Thị Ý N1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 825.000 đồng, bị hại Lê Thị C yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 935.000 đồng, thì tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại tất cả các số tiền trên theo yêu cầu của họ là phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị cáo Trần Văn N có trách nhiệm bồi thường cho: Bị hại Lê Văn T số tiền 5.180.000 đồng, bị hại Nguyễn Nhứt H1 số tiền 1.160.000 đồng, bị hại Hồng Thị Ý N1 số tiền 825.000 đồng, bị hại Lê Thị C số tiền 935.000 đồng.

[22] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Văn N là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 405.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (8.100.000 đồng x 5%).

[23] Kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục xác minh làm rõ về nhân thân, hành vi của đối tượng cùng với bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Lê Văn T vào ngày 10/01/2024, nếu có đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Trần Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 07 tháng 02 năm 2024.

2. Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xử lý, giao trả cho chủ sở hữu hợp pháp các tài sản đã thu giữ là đúng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đặt ra xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Xử buộc bị cáo Trần Văn N bồi thường thiệt hại cho các bị hại như sau: Bị hại Lê Văn T số tiền 5.180.000 đồng, bị hại Nguyễn Nhứt H1 số tiền 1.160.000 đồng, bị hại Hồng Thị Ý N1 số tiền 825.000 đồng, bị hại Lê Thị C số tiền 935.000 đồng. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bị cáo còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 405.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Kiến nghị đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng tiếp tục xác minh làm rõ về nhân thân, hành vi của đối tượng cùng với bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Lê Văn T vào ngày 10/01/2024, nếu có đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại Lê Văn T, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung (CQTHAHS, CQCSĐT);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn